

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 7 - 2022

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Ngọc Quế.

2. Bà Hà Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Từng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn Ng, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp HG1, xã TH, huyện PT, tỉnh AG; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Dương Thị T sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố TT, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Văn Ng trình bày:

Ông và vợ là bà Dương Thị T tự tìm hiểu quen biết, tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng từ 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng đã sống

ly thân từ đó cho đến nay. Nay, ông cảm thấy vợ chồng ông không thể sống chung được nữa nên ông yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T.

Về con chung: Ông, bà có ba đứa con chung là Lê Thị Phương Ng sinh ngày 09/7/1997, Lê Văn Ng1 sinh ngày 18/02/2001 và Lê Thị Bảo Y sinh ngày 11/8/2005. Cháu Ng và cháu Ng1 đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Y hiện nay đang sống chung với ông, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y, không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ: Ông xác định vợ chồng ông không có tài sản chung và không có nợ chung.

Bà Dương Thị T đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập bà T đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà T vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng, về nội dung của Tòa án như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị: Căn cứ xác tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện yêu cầu của ông Lê Văn Ng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Lê Văn Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà Dương Thị T và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Bà T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ông Ng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông, bà không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, bà và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông, bà là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Ông Ng và bà T chung sống như vợ chồng từ năm 1996 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, ông, bà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì ông Ng và bà T không được công nhận là vợ chồng.

Về nuôi con: Ông Ng, bà T có 03 đứa con chung Lê Thị Phương Ng sinh ngày 09/7/1997, Lê Văn Ng1 sinh ngày 18/02/2001 và Lê Thị Bảo Y sinh ngày 11/8/2005. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của ông Ng hiện nay cháu Y đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Cháu Y cũng có nguyện vọng sống với ông Ng khi cha, mẹ ly hôn. Đối chiếu với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy yêu cầu được tiếp tục nuôi con của ông Ng là có căn cứ nên được chấp nhận. Giao cháu Y cho ông Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Ông Ng được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Cháu Ng và cháu Ng1 đã trưởng thành nên tự quyết định sống chung với cha hoặc mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Ng có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con; ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản, nợ: Ông Ng xác định ông, bà không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp, ông bà có phát sinh tranh chấp về tài sản, nợ thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ng phải phải án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Văn Ng và bà Dương Thị T là vợ chồng.

2. Về nuôi con:

Giao các cháu Lê Thị Bảo Y sinh ngày 11/8/2005 cho ông Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Bà T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Các cháu Lê Thị Phương Ng sinh ngày 09/7/1997 và Lê Văn Ng1 sinh ngày 18/02/2001 đã trưởng thành nên tự quyền quyết định sống chung với cha hoặc mẹ.

3. Về án phí:

Ông Ng phải phải án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001741 ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9

Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Cẩm Tú